

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



Tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Võ Anh Linh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
2. Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
3. Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
4. Ông Nguyễn Văn Độ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
5. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
6. Ông Vũ Việt Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
7. Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
8. Ông Nguyễn Hồng Phong	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
9. Ông Võ Anh Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
10. Ông Nguyễn Thái Khanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Văn Độ	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Lê Văn	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Công Khởi	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Đậu Xuân Khánh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 05.04/2016/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bru điện

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bru điện (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Như Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2016

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		365.095.692.116	243.754.287.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.220.648.667	47.761.558.972
1. Tiền	111		5.720.648.667	41.263.682.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	6.497.876.795
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		92.413.625.000	200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	37.894.173.012	1.175.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	(3.580.548.012)	(975.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	58.100.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		194.250.993.700	155.138.423.377
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	99.894.978.444	130.462.131.147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	66.539.207.282	6.816.510.811
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	41.465.519.999	33.019.461.130
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(15.389.997.740)	(16.879.380.320)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.741.285.715	1.719.700.609
IV. Hàng tồn kho	140		68.368.071.872	39.751.302.957
1. Hàng tồn kho	141	V.8	68.368.071.872	39.751.302.957
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		842.352.877	903.002.184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		362.896.162	16.329.393
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	124.525.761
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		479.456.715	762.147.030
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.692.895.283	77.135.039.216
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		56.815.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		56.815.000	-
II. Tài sản cố định	220		3.623.535.776	5.266.858.341
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.623.535.776	5.207.580.561
- Nguyên giá	222		18.637.000.321	21.623.915.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.013.464.545)	(16.416.334.789)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	59.277.780
- Nguyên giá	228		378.200.000	378.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.200.000)	(318.922.220)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		37.699.690.723	37.340.290.141
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	32.072.842.761	31.713.442.179
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	5.626.847.962	5.626.847.962
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		66.622.129.568	34.216.019.385
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	49.067.417.481	21.702.512.373
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	14.210.875.000	18.878.375.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	15.180.000.000	6.020.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.836.162.913)	(12.384.867.988)
V. Tài sản dài hạn khác	260		690.724.216	311.871.349
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	690.724.216	145.083.749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	166.787.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		473.788.587.399	320.889.326.706


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

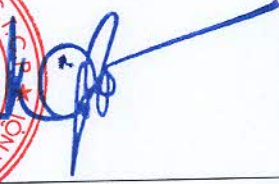
MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		282.474.497.302	132.874.014.819
I. Nợ ngắn hạn	310		280.148.435.484	130.270.068.458
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	20.433.867.859	28.098.979.036
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	72.753.910.701	14.916.383.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	16.121.668.626	28.767.980.027
4. Phải trả người lao động	314		1.047.307.228	1.084.802.846
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	3.991.076.050	3.977.830.850
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	94.584.380.729	39.745.396.462
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	71.107.662.054	13.478.464.493
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.562.237	200.231.653
II. Nợ dài hạn	330		2.326.061.818	2.603.946.361
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.226.061.818	1.273.146.361
2. Phải trả dài hạn khác	337		1.100.000.000	1.100.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	230.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.314.090.097	188.015.311.887
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	191.314.090.097	188.015.311.887
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	115.684.253.731
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.646.195.601
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(52.016.359.235)	(55.315.137.445)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(55.315.137.445)	(56.970.554.952)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.298.778.210	1.655.417.507
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		473.788.587.399	320.889.326.706


Hoàng Công Huân
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016


Trần Thị Len
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	95.278.199.843	117.686.336.900
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.278.199.843	117.686.336.900
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	87.073.782.691	104.260.135.249
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.204.417.152	13.426.201.651
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.432.107.674	782.706.845
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.992.674.826	3.524.977.372
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.412.607.329	1.252.132.801
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.294.882.432	1.134.999.292
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.449.135.393	15.938.269.895
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.899.832.175	(6.389.338.063)
10. Thu nhập khác	31	VI.7	218.871.623	14.056.035.372
11. Chi phí khác	32	VI.8	2.655.997.388	6.011.279.802
12. Lợi nhuận khác	40		(2.437.125.765)	8.044.755.570
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.462.706.410	1.655.417.507
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	571.830.138	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(407.901.938)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.298.778.210	1.655.417.507


 Hoàng Công Huân
 Người lập
 Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016


 Trần Thị Len
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.462.706.410	1.655.417.507
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	926.311.970	4.868.035.140
Các khoản dự phòng	03	15.416.710.925	3.041.559.122
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.432.107.674)	(48.000.000)
Chi phí lãi vay	06	1.412.607.329	1.252.132.801
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	08	10.786.228.960	10.769.144.570
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(38.685.254.414)	(14.076.031.416)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(28.976.169.497)	3.568.604.921
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	126.922.510.284	(8.001.499.626)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(728.456.101)	224.136.995
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(47.749.649.012)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.412.607.329)	(1.252.132.801)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(738.617.738)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.417.985.153	(8.767.777.357)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	785.376.283	38.250.000.000
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(23.100.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	840.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(114.472.054.120)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	10.055.476.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.303.108.818	782.706.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(115.588.093.019)	39.032.706.845
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	72.829.644.876	12.942.944.641
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.200.447.315)	(8.161.251.089)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	57.629.197.561	4.781.693.552
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(38.540.910.305)	35.046.623.040
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	47.761.558.972	12.714.935.932
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.220.648.667	47.761.558.972

Hoàng Công Huân
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Trần Thị Len
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 9 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 10 năm 2015.

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications Investment and Construction Joint Stock Company (Ptic.,JSC).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 68 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch mặt bằng, kiến trúc nội thất: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng;
- Lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động viễn thông có dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông không dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Đại lý bảo hiểm; và
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh thương mại, dịch vụ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, trong lĩnh vực đầu tư đầu tư kinh doanh bất động sản được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa Nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Trinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh
Công ty con	Địa chỉ
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Lô 17H2 khu đô thị Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	50B Nguyễn Du, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Số 1 ngõ Núi Trúc, đường Giang Văn Minh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

01
TRÁ
K
TƯ
AN

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

117
CÔ
NH
ỆM
VĂN
QU
XL

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	02 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

771
TỔNG
HỢP
TÀI
CHÍNH

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

23.
TY
HỮU
N V
CHI
TẾ
T.F

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo giá trị còn lại của phần tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại cổ phiếu quỹ tài phát hành sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là số lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

VIỆN
A
TH
HÀ NỘI

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cung được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày tại thuyết minh số VII.2

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty áp dụng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23 -
TY
HỮU
V
CHỈ
TẾ
-T.F

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	79.707.486	75.963.783
Tiền gửi ngân hàng	5.640.941.181	41.187.718.394
Các khoản tương đương tiền (*)	3.500.000.000	6.497.876.795
Cộng	9.220.648.667	47.761.558.972

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản tương đương tiền trị giá 3.500.000.000 đồng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện	20.000	1.175.000.000	154.000.000	1.021.000.000	20.000	1.175.000.000	200.000.000	975.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	811.420	16.759.398.012	14.199.850.000	2.559.548.012	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	905.000	19.959.775.000	20.453.000.000	-	-	-	-	-
Cộng		37.894.173.012	34.806.850.000	3.580.548.012		1.175.000.000	200.000.000	975.000.000

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	23.100.000.000	23.100.000.000		
Trái phiếu SCI	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-
Cộng	58.100.000.000	58.100.000.000	-	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng sau: Tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng Giao dịch Giảng Võ với số tiền là 5.100.000.000 đồng và tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Thủ đô với số tiền là 18.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng thương mại	733.183.000	2.873.944.700
Phải thu khách hàng xây lắp	83.059.670.548	95.588.719.019
Phải thu khách hàng sản phẩm khác	16.102.124.896	31.999.467.428
Cộng	99.894.978.444	130.462.131.147

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho người bán về thương mại	56.430.000.000	-
- Công ty TNHH VINACOMPOUND	56.430.000.000	-
Trả trước cho người bán về xây lắp	10.109.207.282	6.816.510.811
- Công ty Cổ phần Kim Tâm Hải	2.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	-	1.646.295.000
- Công ty TNHH Hưng Nguyên	-	1.238.690.800
- Đối tượng khác	8.109.207.282	3.931.525.011
Cộng	66.539.207.282	6.816.510.811

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ban quản lý dự án tại thành phố Vinh	1.003.544.341	1.077.164.940
Tiền cổ tức phải thu	493.000.000	493.000.000
BHXH, BHYT phải thu CBCNV	215.808.000	611.546.900
Phải thu các khoản tạm ứng	35.227.771.945	26.878.302.503
Ký cược, ký quỹ	290.920.295	290.920.295
Các đối tượng khác	4.234.475.418	3.668.526.492
Cộng	41.465.519.999	33.019.461.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Nợ xấu

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	-	Trên 3 năm	1.646.295.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	-	Trên 3 năm	1.238.690.800	-	Trên 3 năm
Viễn Thông Tuyên Quang	766.684.880	-	Trên 3 năm	766.684.880	-	Trên 3 năm
Ban giải phóng mặt bằng đường xuyên Á	217.041.279	-	Trên 3 năm	217.041.279	-	Trên 3 năm
Viễn thông tỉnh Bắc Kan	319.522.398	-	Trên 3 năm	319.522.398	-	Trên 3 năm
Công ty mạng lưới Viettel -Tập đoàn viễn thông Quân Đội	469.092.762	-	Trên 3 năm	469.092.762	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	10.732.670.621	-	Trên 3 năm	12.222.053.201	-	Trên 3 năm
Cộng	15.389.997.740	-		16.879.380.320	-	

8. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.077.211	-	20.077.211	-
Công cụ, dụng cụ	16.903.363	-	16.629.889	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.624.653.050	-	38.584.093.149	-
Thành phẩm	391.337.917	-	391.337.917	-
Hàng hoá	32.261.330.451	-	739.164.791	-
Hàng gửi bán	53.769.880	-	-	-
Cộng	68.368.071.872	-	39.751.302.957	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	5.205.881.616	7.142.681.921	7.136.690.458	2.138.661.355	21.623.915.350
Giảm do thanh lý, nhượng bán	795.935.653	500.838.460	1.260.264.520	-	2.557.038.633
Giảm khác (*)	376.877.695	52.998.701	-	-	429.876.396
Tại ngày 31/12/2015	4.033.068.268	6.588.844.760	5.876.425.938	2.138.661.355	18.637.000.321
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	2.953.797.832	4.708.877.354	6.614.998.248	2.138.661.355	16.416.334.789
Tăng khấu hao trong năm	293.568.256	420.429.754	153.036.180	-	867.034.190
Giảm do thanh lý, nhượng bán	550.525.158	179.744.295	1.260.264.520	-	1.990.533.973
Giảm khác (*)	230.136.897	49.233.564	-	-	279.370.461
Tại ngày 31/12/2015	2.466.704.033	4.900.329.249	5.507.769.908	2.138.661.355	15.013.464.545
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	2.252.083.784	2.433.804.567	521.692.210	-	5.207.580.561
Tại ngày 31/12/2015	1.566.364.235	1.688.515.511	368.656.030	-	3.623.535.776

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 9.446.683.187 đồng.

(*) Giảm khác là việc điều chỉnh giảm các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	378.200.000	378.200.000
Tại ngày 31/12/2015	378.200.000	378.200.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	318.922.220	318.922.220
Khấu hao trong năm	59.277.780	59.277.780
Tại ngày 31/12/2015	378.200.000	378.200.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	59.277.780	59.277.780
Tại ngày 31/12/2015	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 378.200.000 đồng.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án tiểu khu đô thị Viễn thông & Công nghệ Thông tin Nghệ An	32.020.405.883	31.713.442.179	31.713.442.179	31.713.442.179
Dự án tại Chi nhánh HCM	52.436.878	52.436.878	-	-
Cộng	32.072.842.761	31.765.879.057	31.713.442.179	31.713.442.179

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh	5.037.401.712	5.037.401.712
Cộng	5.626.847.962	5.626.847.962

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cộng cụ dụng cụ xuất dùng	690.724.216	145.083.749
Cộng	690.724.216	145.083.749

17
NG
HIỆM
TO
T/
ỐC
D
A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông (*)	2.170.251	21.702.512.373	9.866.349.460	11.836.162.913	2.170.251	21.702.512.373	9.317.644.385	12.384.867.988
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	513.000	5.222.500.000	5.222.500.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	2.846.200	22.142.405.108	28.177.380.000	-	-	-	-	-
Cộng		49.067.417.481	43.266.229.460	11.836.162.913		21.702.512.373	9.317.644.385	12.384.867.988

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Hà Nội	72,97%	72,97%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	Đà Nẵng	52,29%	52,29%	Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Gia Lai	63,25%	63,25%	Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ vận chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	2.227.500	14.210.875.000	19.290.763.738	-	2.227.500	14.210.875.000	19.290.763.738	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	-	-	-	466.750	4.667.500.000	4.892.209.409	-
Cộng		14.210.875.000	19.290.763.738	-		18.878.375.000	24.182.973.147	-

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ, viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000		-	493.000	4.930.000.000		4.930.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bưu điện Hà Tĩnh	-	-		-	84.000	840.000.000	-	840.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông Quỹ VVDIF	25.000	250.000.000	-	250.000.000	25.000	250.000.000	-	250.000.000
	1.000.000	10.000.000.000		-	-	-	-	-
Cộng		15.180.000.000		250.000.000		6.020.000.000	-	6.020.000.000

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính của Công ty nhận đầu tư. Tuy nhiên do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời chúng tôi không thu thập được Báo cáo tài chính nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC.

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán về xây lắp	19.365.575.590	19.365.575.590	25.327.000.966	25.327.000.966
Phải trả người bán về thương mại	182.318.370	182.318.370	2.169.936.000	2.169.936.000
Phải trả người bán về dịch vụ	339.475.128	339.475.128	602.042.070	602.042.070
Phải trả người bán khác	546.498.771	546.498.771	-	-
Cộng	20.433.867.859	20.433.867.859	28.098.979.036	28.098.979.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước về xây lắp	8.306.843.381	13.568.997.474
Người mua trả tiền trước về thương mại	64.425.495.000	-
Người mua trả tiền trước về hoạt động khác	21.572.320	1.347.385.617
Cộng	72.753.910.701	14.916.383.091

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.498.532.106	111.646.372	11.270.245.423	19.657.131.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.627.923.409	163.928.200	738.617.738	4.202.612.947
Thuế thu nhập cá nhân	130.743.686	148.055.250	740.855.319	723.543.755
Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-	517.769.946	2.387.926.796	1.870.156.850
Thuế, phí và lệ phí	3.864.469.425	4.686.355.456	3.136.421.349	2.314.535.318
Cộng	16.121.668.626	5.627.755.224	18.274.066.625	28.767.980.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí dự án, công trình	2.342.504.286	3.696.451.010
Chi phí phải trả khác	140.000.000	-
Chi phí kiểm toán	-	180.000.000
Chi phí dịch vụ Funvoice	1.508.571.764	101.379.840
Cộng	3.991.076.050	3.977.830.850

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	855.540.787	806.404.717
BHXH, BHYT, BHTN	203.758.324	1.438.265.591
Phải trả về cổ phần hoá	51.520.000	51.520.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	43.500.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.774.986.618	36.250.631.154
- Công ty CP PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông	7.666.800.000	7.666.800.000
- Các chủ nhiệm công trình	17.738.641.676	27.935.581.919
- Các khoản phải trả khác	23.369.544.942	648.249.235
Cộng	94.584.380.729	39.745.396.462

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã nhận một khoản tiền đặt cọc từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngành nước và Môi trường theo Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc để hai bên tiến hành Hợp đồng chuyển nhượng đất tại Khu đô thị Pháp Vân. Theo đó, trong vòng 15 ngày làm việc (theo quy định) kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ra chấp thuận chủ trương cho hai bên Chuyển và Nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngành nước và Môi trường không ký hợp đồng chuyển nhượng hoặc từ chối không thực hiện các thủ tục công chứng do công chứng viên đưa ra khi ký Hợp đồng chuyển nhượng, thì Công ty có quyền chấm dứt Thỏa thuận chuyển nhượng và tịch thu tiền đặt cọc.

Vào tháng 3 năm 2016, Công ty đã thực hiện phương án tái cơ cấu toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại khu đất làm văn phòng của Công ty tại địa chỉ thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê cho đối tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngành nước và Môi trường với giá chuyển nhượng là 72.500.000.000 đồng (đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm lệ phí trước bạ, các loại phí, lệ phí khác liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản, đăng ký quyền sở hữu tài sản).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	61.000.000.000	61.000.000.000	61.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (i)	61.000.000.000	61.000.000.000	61.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Vay cá nhân (ii)	10.107.662.054	10.107.662.054	11.829.644.876	15.200.447.315	13.478.464.493	13.478.464.493
Trần Quang Ninh	5.560.000.000	5.560.000.000	10.000.000.000	4.440.000.000	-	-
Ngô Thị Cúc	1.030.000.000	1.030.000.000	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
Dương Thị Minh	513.396.683	513.396.683	156.272.431	62.813.621	419.937.873	419.937.873
Trần Ngọc Anh	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
Vay các cá nhân khác	2.504.265.371	2.504.265.371	1.173.372.445	10.697.633.694	12.028.526.620	12.028.526.620
Cộng	71.107.662.054	71.107.662.054	72.829.644.876	15.200.447.315	13.478.464.493	13.478.464.493

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng vay số 1483-LAV-201500670 ngày 23 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng vay số 1483-LAV-201500687 ngày 30 tháng 12 năm 2015 với tổng hạn mức cho vay là 80.000.000.000 đồng giữa Công ty và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức. Mục đích vay nhằm thanh toán tiền mua hạt nhựa PVC bọc vỏ, bọc lõi (các màu) theo Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐMB/PTIC-VINA ngày 09 tháng 12 năm 2015. Thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay áp dụng là 5,5%/năm
- (ii) Vay cá nhân là các khoản huy động vốn ngắn hạn cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác với lãi suất thỏa thuận để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 1 đến 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

23. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày năm trước	100.000.000.000	115.684.253.731	24.225.192.271	3.421.003.330	(56.970.554.952)	186.359.894.380
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	3.421.003.330	(3.421.003.330)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày lại	100.000.000.000	115.684.253.731	27.646.195.601	-	(56.970.554.952)	186.359.894.380
Lợi nhuận tăng (giảm) trong năm	-	-	-	-	1.655.417.507	1.655.417.507
Số dư tại ngày 01/01/2015	100.000.000.000	115.684.253.731	27.646.195.601	-	(55.315.137.445)	188.015.311.887
Tăng vốn trong năm	79.999.990.000	(79.999.990.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng (giảm) trong năm	-	-	-	-	3.298.778.210	3.298.778.210
Số dư tại ngày 31/12/2015	179.999.990.000	35.684.263.731	27.646.195.601	-	(52.016.359.235)	191.314.090.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

23. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.999.999	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.999.999	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

24. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và chi nhánh Hồ Chí Minh đặt tại Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Trinh, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Doanh thu của chi nhánh Hồ Chí Minh phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.108.056.832 đồng, chiếm dưới 10% tổng doanh thu của Công ty, do đó Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận xây dựng và Bộ phận kinh doanh thương mại.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây dựng	- Xây dựng công trình theo hợp đồng
Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa, thành phẩm cấp.

Trong năm, doanh thu của bộ phận kinh doanh thương mại là 3.791.440.000 đồng và doanh thu hoạt động khác là 5.201.030.525 đồng, chiếm dưới 10% tổng doanh thu của Công ty, do đó Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.791.440.000	7.121.680.000
Doanh thu hoạt động xây lắp	86.285.729.318	103.278.148.695
Doanh thu khác (*)	5.201.030.525	7.286.508.205
Cộng	95.278.199.843	117.686.336.900

(*) Doanh thu khác trong năm là doanh thu từ cho thuê trạm BTS và cung cấp dịch vụ Funvoice.

2. Giá vốn hàng hóa

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng	2.762.998.935	5.492.641.326
Giá vốn hoạt động xây lắp	82.750.314.800	96.160.085.333
Giá vốn khác	1.560.468.956	2.607.408.590
Cộng	87.073.782.691	104.260.135.249

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.515.181.765	782.706.845
Lãi nhượng quyền mua cổ phiếu	4.440.150.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	373.400.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.103.375.909	-
Cộng	10.432.107.674	782.706.845

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	1.412.607.329	1.252.132.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.332.052	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.575.735.445	2.272.844.571
Cộng	3.992.674.826	3.524.977.372

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân công	255.699.309	183.785.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539.318.613	42.238.294
Chi phí bằng tiền khác	499.864.510	908.975.432
Cộng	1.294.882.432	1.134.999.292

3-C
Y
TƯ H
VÀ
CHÍNH
T.P

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.132.542.198	4.957.456.965
Chi phí đồ dùng văn phòng	654.186.020	136.978.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	810.538.273	4.235.722.851
Thuế, phí và lệ phí	365.916.886	620.218.891
Chi phí dự phòng	(16.211.936)	1.372.220.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.937.235.518	434.715.563
Chi phí bằng tiền khác	1.564.928.434	4.180.956.899
Cộng	7.449.135.393	15.938.269.895

7. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	218.871.623	13.556.057.311
Các khoản khác	-	499.978.061
Cộng	218.871.623	14.056.035.372

8. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	1.368.752.591	5.813.343.438
Các khoản khác	1.287.244.797	197.936.364
Cộng	2.655.997.388	6.011.279.802

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>		
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	3.462.706.410	1.655.417.507
Chi phí không được trừ:	1.368.752.591	5.813.343.438
<i>Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng</i>	<i>1.368.752.591</i>	<i>5.813.343.438</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.831.459.001	7.468.760.945
Lỗi năm trước mang sang	(4.831.459.001)	(7.468.760.945)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chính	-	-
<u>Hoạt động chuyển nhượng bất động sản</u>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	571.830.138	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	407.901.938	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.666.960.925	49.390.733.286
Chi phí nhân công	35.890.328.598	39.526.327.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	926.311.970	4.451.279.672
Thuế, phí và lệ phí	417.899.944	620.218.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.004.773.333	12.807.893.999
Chi phí khác bằng tiền	7.952.085.647	5.089.932.331
Cộng	92.858.360.417	111.886.385.775

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	71.107.662.054	13.709.264.493
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	9.220.648.667	47.761.558.972
Nợ thuần	61.887.013.387	-
Vốn chủ sở hữu	191.314.090.097	188.015.311.887
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	32,35%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu".

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.220.648.667	47.761.558.972
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.508.623.463	119.432.989.159
Đầu tư ngắn hạn	92.413.625.000	200.000.000
Đầu tư dài hạn	14.930.000.000	6.020.000.000
Các khoản ký quỹ	347.735.295	290.920.295
Cộng	207.420.632.425	173.705.468.426
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	71.107.662.054	13.709.264.493
Phải trả người bán và phải trả khác	116.158.949.477	70.044.375.498
Chi phí phải trả	3.991.076.050	3.977.830.850
Cộng	191.257.687.581	87.731.470.841

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	9.855.720	9.855.720	-	418.510.488

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền	9.220.648.667	-	-	9.220.648.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.508.623.463	-	-	90.508.623.463
Đầu tư ngắn hạn	92.413.625.000	-	-	92.413.625.000
Đầu tư dài hạn	-	14.930.000.000	-	14.930.000.000
Các khoản ký quỹ	347.735.295	-	-	347.735.295
Cộng	192.490.632.425	14.930.000.000	-	207.420.632.425
31/12/2015				
Các khoản vay	71.107.662.054	-	-	71.107.662.054
Phải trả người bán và phải trả khác	115.058.949.477	-	-	115.058.949.477
Chi phí phải trả	3.991.076.050	-	-	3.991.076.050
Cộng	190.157.687.581	-	-	190.157.687.581
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.332.944.844	14.930.000.000	-	17.262.944.844

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền	47.761.558.972	-	-	47.761.558.972
Phải thu khách hàng và phải thu khác	119.432.989.159	-	-	119.432.989.159
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000	-	-	200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	6.020.000.000	-	6.020.000.000
Các khoản ký quỹ	290.920.295	-	-	290.920.295
Cộng	167.685.468.426	6.020.000.000	-	173.705.468.426
Tại ngày 01/01/2015				
Các khoản vay	13.709.264.493	-	-	13.709.264.493
Phải trả người bán và phải trả khác	68.944.375.498	-	-	68.944.375.498
Chi phí phải trả	3.977.830.850	-	-	3.977.830.850
Cộng	72.922.206.348	-	-	72.922.206.348
Chênh lệch thanh khoản thuần	94.763.262.078	6.020.000.000	-	100.783.262.078

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	373.400.000	-
Lãi vay		
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	128.888.336	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	52.221.813	52.221.813
- Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	52.221.813	52.221.813
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	428.971.000	836.131.000
- Phải thu tiền công trình	428.971.000	836.131.000
Các khoản phải trả		
Công ty CP PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	83.194.370	83.194.370
- Phải trả tiền hàng và dịch vụ cung cấp	83.194.370	83.194.370
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	986.905.982	2.873.025.567
- Phải trả tiền hàng và dịch vụ cung cấp	986.905.982	2.873.025.567

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền lương, thưởng	736.183.634	568.965.376
Cộng	736.183.634	568.965.376

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Như trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được kiểm toán và của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 được phân loại lại do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại theo Thông tư 200
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	275.467.729.669	(31.713.442.179)	243.754.287.490
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	126.249.499.970	28.888.923.407	155.138.423.377
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.850.238.332	27.169.222.798	33.019.461.130
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	1.719.700.609	1.719.700.609
IV. Hàng tồn kho	140	71.464.745.136	(31.713.442.179)	39.751.302.957
1. Hàng tồn kho	141	71.464.745.136	(31.713.442.179)	39.751.302.957
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	29.791.925.591	(28.888.923.407)	903.002.184
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	28.888.923.407	(28.888.923.407)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	45.421.597.037	31.713.442.179	77.135.039.216
II. Tài sản cố định	220	10.893.706.303	(5.626.847.962)	5.266.858.341
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.626.847.962	(5.626.847.962)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	37.340.290.141	37.340.290.141
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	31.713.442.179	31.713.442.179
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	5.626.847.962	5.626.847.962
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	320.889.326.706	-	320.889.326.706

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại theo Thông tư 200
		VND	VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	188.015.311.887	-	188.015.311.887
I. Vốn chủ sở hữu	410	188.015.311.887	-	188.015.311.887
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	24.225.192.271	3.421.003.330	27.646.195.601
Quỹ dự phòng tài chính		3.421.003.330	(3.421.003.330)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	320.889.326.706	-	320.889.326.706

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
10. Thu nhập khác (*)	31	46.946.958.943	(32.890.923.571)	14.056.035.372
11. Chi phí khác (*)	32	38.902.203.373	(32.890.923.571)	6.011.279.802

(*) Theo quy định tại Thông tư 200 về việc trình bày chỉ tiêu Thu nhập khác (Mã số 31) và chỉ tiêu Chi phí khác (Mã số 32): “*Riêng đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT, thì số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT và chi phí thanh lý*”.



Hoàng Công Huân
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016



Trần Thị Len
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc